

Số: 2366/QĐ-UB-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 1996 các huyện
và quận 1, 3, 6, 8, 10, Tân Bình, Bình Thạnh, Gò Vấp, nội thành.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21/6/1994 ;
- Căn cứ Điều 19 Luật đất đai ban hành ngày 14/7/1993 ;
- Căn cứ Quyết định số 73/TTg ngày 01/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 1996 của thành phố Hồ Chí Minh ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Địa chính thành phố tại tờ trình số 2000/TT-QHKH ngày 29/4/1996 ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 1996 của sáu huyện và các quận 1, 3, 6, 8, 10, Tân Bình, Bình Thạnh, Gò Vấp như sau :

(Đính kèm bảng kế hoạch sử dụng đất).

Điều 2.-

- Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất thổ cư nông thôn của sáu huyện ngoại thành là cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện giao đất thổ cư nông thôn.
- Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất lúa, nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại đất khác để chuyển sang mục đích thổ cư đô thị và chuyên dùng (đất công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, phúc lợi công cộng...) là cơ sở để Ủy ban nhân dân các quận-huyện xét giải quyết nhu cầu sử dụng đất của các đối tượng trên địa bàn và trình Ủy ban nhân dân thành phố các cơ quan chức năng theo quy định và thẩm quyền.

Điều 3.- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Kế hoạch thành phố, Sở Địa chính, Kiến trúc sư trưởng thành phố có trách nhiệm thi hành quyết định này

Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất, Ủy ban nhân dân quận-huyện cần điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất, sẽ liên hệ với Sở Địa

chính để xem xét tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố duyệt kế hoạch bổ sung.-

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Trương Tấn Sang

BẢNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 1996 (ĐỢT 1)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2366/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/5/1996 của Ủy ban nhân dân TP)

Quận Huyện	Đất thổ cư nông thôn				Đất thổ cư đô thị				Đất chuyên dùng			
	DT (ha)	Loại đất			DT (ha)	Loại đất			DT (ha)	Loại đất		
		Lúa	NN khác	Đất khác		Lúa	NN khác	Đất khác		Lúa	NN khác	Đất khác
Thủ Đức	7,3	6	1,3		400	250	100	50	500	300	100	100
Hóc Môn	10	5	4	1	80	50	20	10	300	95	70	135
Bình Chánh	10	6	3	1	400	240	120	40	600	420	100	80
Nhà Bè	7,2	3,8	1,5	1,9	180	97	41	42	400	240	80	80
Củ Chi	10	6	3	1	60	25	25	10	300	150	90	60
Cần Giờ	10	0,4	0,4	9,2	4		0,5	3,5	60	3	3	54
6					11		6	5	20		15	5
8					25	7,7	13	4,3	81	27	44	10
Gò Vấp					26		17	9	145	10	75	60
Tân Bình					45	7	29	9	24	4	12	8
Bình Thạnh					80	2	10	68	30	5	5	20
1					27,8			27,8	8			8
3					9,8			9,8	3,8			3,8
10					29			29	20,7			20,7
Tổng	55,3	26,2	14,9	14,1	1377,6	678,7	381,5	317,4	2492,5	1254	594	644,5

Tổng diện tích kế hoạch sử dụng đất : 3925,3 ha, trong đó :

- Đất lúa : 1958,9 ha.

- Đất nông nghiệp khác : 990,4 ha.

- Các loại đất khác : 976 ha.-

